

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/DS-PT

Ngày: 16-6-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản
do người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/6/2021 và ngày 16/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân
tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS
ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực
hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm
2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2021/QĐ-PT
ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp V, xã A,
huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Vi Anh T, sinh
năm 1973; địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền
ngày 08/7/2019); có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Anh Võ Chí H, sinh năm 1976;

- + Bà Lê Thị K, sinh năm 1941;
- + Võ Chí N1, sinh ngày 21/9/2008;
- + Võ Trọng N2, sinh ngày 14/3/2015.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Anh Võ Chí H, bà Lê Thị K, cháu Võ Chí N1, cháu Võ Trọng N2 là hàng thừa kế thứ nhất của chị Nguyễn Thị Cẩm H2, sinh năm 1979, chết năm 2019).

Người đại diện hợp pháp của cháu Võ Chí N1, cháu Võ Trọng N2 là anh Võ Chí H (cha ruột); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Chí H, bà Lê Thị K: Chị Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 15, Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (giấy ủy quyền ngày 06/01/2020, ngày 18/6/2020 và hợp đồng ủy quyền ngày 04/6/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H: Ông Y, Luật sư, Công ty luật V; địa chỉ: phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Trần Vi Anh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 04/02/2020); có mặt

- Người kháng cáo: Anh Võ Chí H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2020, ngày 17/8/2020 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ N trình bày:

Bà có cho vợ chồng anh H, chị H2 vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2018 âm lịch vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, chị H2 viết giấy nợ ký, ghi họ và tên; chị H2 nói anh H có ký sẵn vào giấy nợ.

- Ngày 28/9/2018 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến tháng 02/2019 âm lịch trả, khi đến mượn tiền chị H2 cầm theo giấy trắng có chữ ký của anh H, bà viết nội dung vào giấy chị H2 đưa, chị H2 nhận tiền ký tên ghi họ và tên, chị H2 nói mượn để đáo hạn Ngân hàng.

- Ngày 12/11/2018 âm lịch vay số tiền 10.000.000 đồng; ngày 21/11/2018 âm lịch vay 17.000.000 đồng; ngày 23/11/2018 âm lịch vay 15.000.000 đồng, ngày 27/11/2018 âm lịch vay 25.000.000 đồng và 15.000.000 đồng mượn thêm.

Các khoản vay này ghi cùng một giấy nợ, không ghi thời hạn trả, thỏa thuận miệng đến tháng 4, tháng 5/2019 trả. Khoản nợ này chị H2, anh H trả được 32.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng.

- Ngày 13/01/2019 âm lịch vay số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận miệng đến tháng 5/2019 trả, giấy nợ do chị H2 viết và ký tên, khi vay chị H2 đưa bà hộ khẩu gia đình bản chính số 4339 chủ hộ là Nguyễn Hiếu L2 và giấy chứng nhận QSDĐ do chị H2 đứng tên bản phô tô để làm tin cho vay tiền.

- Ngày 27/01/2019 âm lịch vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận miệng đến tháng 5/2019 trả, chị H2 viết giấy nợ và ký tên, giấy nợ bị cắt phần phía dưới, nội dung phần bị cắt ghi chị H2 đóng tiền lãi được 1.200.000 đồng.

- Ngày 05/02/2019 âm lịch vay số tiền 120.000.000 đồng, chị H2 đến mượn tiền, giấy nợ do chị H2 viết, anh H ký sẵn trước; đến ngày 14/3/2019 trả được 80.000.000 đồng (nhưng bà không nhớ ai trả), còn nợ lại 40.000.000 đồng hẹn đến tháng 4/2019 trả.

- Ngày 06/02/2019 âm lịch vay số tiền 120.000.000 đồng, anh H đến mượn tiền, giấy nợ do bà viết, anh H nhận tiền và ký tên. Anh H nói mượn đáo hạn Ngân hàng, anh H trả được 80.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng hẹn đến tháng 5/2019 trả.

Bà không đồng ý với ý kiến chị H3 (người đại diện cho anh H) cho rằng khoản vay ngày 05/02/2019 và 06/02/2019 là một, vì đây là 02 khoản vay 02 ngày khác nhau.

- Ngày 21/3/2019 âm lịch vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến tháng 5/2019, giấy nợ do bà viết, chị H2 nhận tiền và ký tên, giấy nợ bị cắt phần phía dưới; phần bị cắt có nội dung ghi chị H2 góp số tiền 500.000 đồng/ngày, góp được 40 ngày thành tiền là 20.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng.

Ngày 25/5/2020 và ngày 17/8/2020 bà N khởi kiện bổ sung yêu cầu anh H và chị H2 trả số tiền 810.000.000 đồng và cung cấp giấy nợ:

- Ngày 24/12/2018 âm lịch vay số tiền 400.000.000 đồng, giấy nợ do bà viết, chị H2 nhận tiền và ký tên.

- Ngày 27/12/2018 âm lịch vay số tiền 210.000.000 đồng, giấy nợ do chị H2 viết, chị H2 trả 150.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2018 âm lịch vay số tiền 350.000.000 đồng, giấy nợ do bà viết, anh H nhận tiền và ký tên.

Khi vay tiền hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, chị H2 vay tiền nhiều năm, những khoản vay trả xong thì đóng lãi đủ, những khoản chưa trả gốc thì đóng lãi không đầy đủ. Năm 2019 chị H2 chết nên không lấy tiền lãi nữa.

Những giấy nợ bị cắt phía dưới, phần bị cắt là do dính tới các khoản vay của người khác.

Tính toán số tiền nợ tổng cộng là 1.310.000.000 đồng, bà N thống nhất có nhận tiền do vợ chồng anh H trả là 817.500.000 đồng, đồng ý trừ vào nợ gốc, yêu cầu anh H và những người thừa kế của chị H2 gồm: Bà K, cháu Võ Chí N1, cháu Võ Trọng N2 trả cho bà tiền gốc 492.500.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là anh Trần Vi Anh T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà N, đối với tiền chi phí giám định đã chi trả bà N tự nguyện chịu. Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của chị L anh thống nhất với kết quả giám định, đồng ý chị L có nhận số tiền 340.000.000 đồng do vợ chồng anh H trả và đã giao lại bà N, bà N cũng thừa nhận có nhận tiền 340.000.000 đồng từ chị L.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Chị Nguyễn Thị Thanh H3 trình bày: Vợ chồng anh H vay tiền của bà N lãi suất 7% - 10% /tháng, nhưng chị không biết cụ thể việc trả tiền lãi như thế nào, trả được bao nhiêu tiền, chị không yêu cầu tính toán lại việc trả tiền lãi. Đối với tiền gốc chị đồng ý các khoản vay là nợ chung của vợ chồng anh H, chị H2 như sau:

- Ngày 23/9/2018 âm lịch số tiền vay 120.000.000 đồng;
- Ngày 28/9/2018 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng;
- Một trong hai giấy nợ ngày 05/02/2019 hoặc 06/02/2019 số tiền vay 120.000.000 đồng, đã trả 80.000.000 đồng, còn nợ 40.000.000 đồng;
- Giấy nợ ghi ngày 21/11/2018 âm lịch gồm nhiều khoản nợ, có chữ viết tính toán của chị H2 nên xác định sau khi khấu trừ còn nợ 50.000.000 đồng;
- Đối với giấy nợ 400.000.000 đồng; giấy nợ 350.000.000 đồng; giấy nợ 27/12/2018 số tiền 60.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng.

Tuy nhiên, tất cả các khoản nợ này đã trả hết, trả trong số tiền 817.500.000 đồng và phần bị cắt đi của các giấy nợ do nguyên đơn cung cấp có nội dung trả nợ.

Đối với giấy nợ ngày 13/01/2019 số tiền 80.000.000 đồng; giấy nợ ngày 27/01/2019 số tiền 40.000.000 đồng; giấy nợ ngày 21/3/2019 số tiền 50.000.000 đồng thì chị không biết có nợ hay không, nhưng chị xác định đúng chữ ký của chị H2, những khoản nợ này đã trả rồi, trả trong tổng số tiền 817.500.000 đồng và phần bị cắt của giấy nợ có nội dung trả tiền. Chị H3 xác định vợ chồng anh H không còn nợ bà N.

Ngoài ra chị H3 yêu cầu bà N trả lại cho bà K sổ hộ khẩu thường trú (bản chính).

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 04-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470, khoản 1 Điều 615, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27; khoản 1, 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại của bà Lê Thị Mỹ N đối với anh Võ Chí H, bà Lê Thị K, Võ Chí N1, Võ Trọng N2.

Buộc anh Võ Chí H, bà Lê Thị K, Võ Chí N1, Võ Trọng N2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ N tiền nợ gốc 391.100.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế do chị H2 để lại cụ thể: Anh H trả cho bà N số tiền 244.437.500 đồng; bà K, Võ Chí N1, Võ Trọng N2 mỗi người trả bà N số tiền 48.887.500 đồng.

Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền 101.400.000 đồng.

Bà Lê Thị Mỹ N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị K sổ hộ khẩu thường trú bản chính số 4339 tên chủ hộ là Nguyễn Hiếu L2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng khác; quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2021 anh Võ Chí H có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc phẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của anh H - Chị Nguyễn Thị Thanh H3 trình bày: Anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các khoản nợ chị H2 anh H đã trả xong, trả số tiền 817.500.000 đồng và phần bị cắt của giấy nợ là ghi trả tiền, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Vi Anh T trình bày: Bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà N khởi kiện số tiền 520.000.000 đồng là khoản nợ chưa trả, sau khi anh H cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả cho bà N được 817.500.000 đồng nên ngày 17/8/2020 bà N khởi kiện bổ sung số tiền 810.000.000 đồng; anh T thừa nhận anh cắt 02 giấy nợ là giấy nợ 40.000.000 đồng và giấy nợ ngày 24/12/2018 số tiền 400.000.000 đồng, ngày 29/12/2018 số tiền 350.000.000 đồng, phần cắt ra là nợ của người khác nên cắt ra trả phần cắt

cho bà N, không cung cấp được phần bị cắt; phía bị đơn chỉ cung cấp chứng cứ trả được 817.500.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H.

Chị H3 đại diện theo ủy quyền của bà K trình bày: Bà K thống nhất với ý kiến của anh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H vắng mặt tại phiên tòa, gửi Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận tài liệu, chứng cứ bị cắt xén do nguyên đơn cung cấp, đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị Thanh H3 thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H, không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Võ Chí H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Chí H, bà Lê Thị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; ông Y vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Võ Chí H cho rằng đã trả xong nợ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 29/7/2019 bà N khởi kiện yêu cầu anh H và chị H2 trả cho bà số tiền 520.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của anh H, bà K là Chị Nguyễn Thị Thanh H3 thừa nhận chị H2, anh H có vay tiền của bà K nhiều lần, có làm giấy nợ nhưng đã trả xong; ngày 05/11/2019 anh H cung cấp chứng cứ đã trả tiền cho bà N do chị L (con dâu bà N) nhận, số tiền trả là 813.500.000 đồng + 4.000.000 đồng anh H trả và được bà N thừa nhận.

Sau khi phía bị đơn cung cấp giấy tờ chứng minh đã trả 817.500.000 đồng thì ngày 25/5/2020 và ngày 18/7/2020 bà N có đơn kiện bổ sung số tiền 810.000.000 đồng, cung cấp 02 giấy nợ, giấy nợ vay ngày 27/12/2018 âm lịch số tiền 210.000.000 đồng, trả 150.000.000 đồng còn lại 60.000.000 đồng (bút lục số 144), giấy nợ vay ngày 24/12/2018 âm lịch số tiền 400.000.000 đồng, vay ngày 29/12/2018 âm lịch số tiền 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, cả 02 giấy nợ này đều bị cắt phần phía dưới của giấy nợ.

Qua xem xét các giấy nợ bị cắt (giấy gốc) có trong hồ sơ vụ án là 04 giấy tại các bút lục số 37, 38, 62 và 144:

Đối với giấy nợ mượn 50.000.000 đồng ngày 21/3/2019 (bút lục số 37), bà N khai phần bị cắt đi là bà ghi chỉ H2 góp được 20.000.000 đồng.

Đối với giấy nợ mượn 40.000.000 đồng ngày 27/01/2019 (bút lục số 38), bà N khai phần bị cắt đi là bà ghi chỉ H2 trả lãi được 1.200.000 đồng.

Qua đối chiếu với giấy nợ mượn 50.000.000 đồng bản phô tô do bà N cung cấp còn nguyên chưa cắt (bút lục số 146) thì phần phía dưới có ghi góp được 20.000.000 đồng; giấy nợ mượn 40.000.000 đồng bản phô tô do bà N cung cấp còn nguyên chưa cắt (bút lục 145) thì phần phía dưới có ghi trả lãi được 1.200.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của chị H3 phù hợp với lời trình bày của bà N là phần bị cắt của giấy nợ có nội dung ghi trả tiền.

Đối với giấy nợ mượn 210.000.000 đồng ngày 27/12/2018, trả 150.000.000 đồng còn 60.000.000 đồng (bút lục số 144); bà N và anh T khai phần bị cắt là nợ của người khác, nhưng không cung cấp được phần bị cắt để chứng minh là phần nợ người khác, khoản nợ này Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận, bà N không kháng cáo.

Đối với giấy nợ chị H2 mượn 400.000.000 đồng, anh H mượn 350.000.000 đồng (bút lục số 62) bà N khai phần bị cắt do đã lâu nên bà không nhớ nội dung; người đại diện theo ủy quyền của bà N (anh T) xác định giấy nợ này là do anh cắt, phần cắt ra là người khác nợ bà N, cắt ra trả phần cắt cho bà N, anh không cung cấp được phần bị cắt của giấy nợ này.

Xét thấy, bà N khởi kiện lần đầu yêu cầu chị H2, anh H trả cho bà số tiền 520.000.000 đồng, chị H3 đại diện cho anh H xác định chị H2 anh H có vay tiền của bà N nhưng đã trả xong, anh H cung cấp giấy tờ chứng minh đã trả số tiền 817.500.000 đồng là nhiều hơn số tiền bà N khởi kiện ban đầu. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày bà N kiện 520.000.000 đồng là khoản nợ chưa trả, sau khi bị đơn cung cấp giấy tờ chứng minh trả 817.500.000 đồng thì bà N khởi kiện bổ sung số tiền 810.000.000 đồng, cung cấp hai giấy nợ (bút lục số 62, 144). Tuy nhiên, phần phía dưới cả hai giấy nợ đều bị cắt đi; anh T, bà K cho rằng phần bị cắt là người khác nợ. Chị H3 không thừa nhận cho rằng phần bị cắt là ghi trả nợ. Do đó, nghĩa vụ chứng minh còn nợ và phần giấy nợ bị cắt ghi nợ của người khác là thuộc về bà N, anh T. Tại cấp phúc thẩm bà N, anh T không cung cấp được phần bị cắt của giấy nợ để chứng minh là nợ của người khác nên không có căn cứ để xem xét. Đối với số nợ 520.000.000 đồng đã được chị H2 trả

xong thể hiện trong giấy tờ do anh H cung cấp trả trong số tiền 817.500.000 đồng và được bà N thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn trong đó có tính luôn giấy nợ số tiền 400.000.000 đồng, 350.000.000 đồng là không có căn cứ. Chị H3 là người đại diện cũng như Luận cứ của Luật sư trình bày các khoản vay đã trả xong là phù hợp với lời trình bày của anh T. Do đó, kháng cáo của anh H cho rằng trả xong nợ, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh Võ Chí H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ N là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Võ Chí H, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ N đối với anh H, chị H2.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh H được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên anh H không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Chí H, sửa bản án sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 04-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại của bà Lê Thị Mỹ N đối với anh Võ Chí H, bà Lê Thị K, Võ Chí N1, Võ Trọng N2.

Buộc bà Lê Thị Mỹ N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị K sổ hộ khẩu bản chính số 4339 tên chủ hộ là Nguyễn Hiếu L2.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Lê Thị Mỹ N.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Chí H không phải chịu, hoàn trả tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0007989 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ N tự nguyện chịu chi phí giám định số tiền 2.040.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Tuyền